

Số: 05 / QĐ-SKHCHN

Bình Dương, ngày 05 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019
của Sở Khoa học và Công nghệ

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 51/2015/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-STC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Sở Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2019 của đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ (theo Biểu số 01, 02 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Thủ trưởng đơn vị được giao dự toán và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- BGĐ Sở;
- P. KHTC;
- Lưu: VT.

(Chữ ký)

GIÁM ĐỐC



(Chữ ký)
Nguyễn Quốc Cường

Biểu số Ban hành theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Tên đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ

Chương trình: Công nghệ



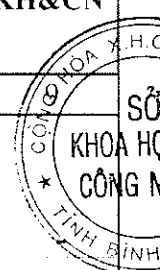
DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 18/QĐ-SKH&CN ngày 18/01/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp I/Đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng Sở KH&CN	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN
1	2	3	4=5+...+9	5	6	7	8	9
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí							
I	Số thu phí, lệ phí	145	145	135	10	-	-	-
1	Lệ phí	13	13	3	10	-	-	-
	Lệ phí cấp phép An toàn bức xạ	3	3	3				
	Lệ phí công bố hợp chuẩn, hợp quy	10	10		10			
2	Phí	132	132	132	-	-	-	-
	Phí thẩm định an toàn bức xạ	120	120	120				
	Phí cấp Giấy phép hoạt động KHCN	12	12	12				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	123	123	113	10	-	-	-
1	Chi sự nghiệp	-	-					
2	Chi quản lý hành chính	123	123	113	10	0	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	123	123	113	10			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	47	47	22	10	-	-	-
1	Lệ phí			3	10	-	-	-
	Lệ phí cấp phép An toàn bức xạ	3	3	3				
	Lệ phí công bố hợp chuẩn, hợp quy	10	10		10			
2	Phí	19	19	19	0	0	0	0
	Phí thẩm định an toàn bức xạ	18	18	18				
	Phí cấp Giấy phép hoạt động KHCN			1				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	27.395	27.395	21.668	3.046	54	927	1.700
I	Nguồn ngân sách trong nước	27.395	27.395	21.668	3.046	54	927	1.700
1	Chi quản lý hành chính	15.000	7.500	4.454	3.046	-	-	-



STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó				
				Văn phòng Sở KH&CN	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm Ứng dụng tiên bộ KH&CN	Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.012	5.012	3.785	1.227			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.488	2.488	669	1.819			
2	Chi Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ	19.895	19.895	17.214	-	54	927	1.700
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	-	-					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên/nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	1.941	1.941				387	1.500
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	17.954	17.954	17.214			540	200
II	Nguồn vốn viện trợ							
III	Nguồn vay nợ nước ngoài							





Bảng số 2 kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28-9-2018 của Bộ Tài chính
 và Thông tư số 01/2019/TT-SKHHCN ngày 01/01/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ

ĐỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-SKHHCN ngày 01/01/2019
 của Sở Khoa học và Công nghệ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	135
1	Lệ phí	3
	Lệ phí cấp phép An toàn bức xạ	3
2	Phí	132
	Phí thẩm định an toàn bức xạ	120
	Phí cấp Giấy phép hoạt động KHHCN	12
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	113
1	Chi sự nghiệp	
2	Chi quản lý hành chính	113
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	113
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	22
1	Lệ phí	3
	Lệ phí cấp phép An toàn bức xạ	3
2	Phí	19
	Phí thẩm định an toàn bức xạ	18
	Phí cấp Giấy phép hoạt động KHHCN	1
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	21.668
I	Nguồn ngân sách trong nước	21.668
1	Chi quản lý hành chính	4.454
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.785
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	669
2	Chi Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ	17.214



STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên/ nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	17.214
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

